

Xử trí: Có thể loại bỏ kanamycin ra khỏi máu bằng thẩm tách máu hoặc thẩm tách màng bụng. Trẻ sơ sinh có thể truyền thay máu. Thẩm tách máu với các trường hợp bị suy giảm chức năng thận. Không có thuốc điều trị đặc hiệu, chủ yếu là điều trị triệu chứng và hỗ trợ. Dùng các thuốc kháng cholinesterase, muối calci và các biện pháp trợ giúp hô hấp như máy thở để hỗ trợ điều trị phong bế thần kinh cơ, hoặc yếu cơ kéo dài do dùng quá liều.

Cập nhật lần cuối: 2019.

KẼM OXYD

Tên chung quốc tế: Zinc oxide.

Mã ATC: C05AX04.

Loại thuốc: Thuốc bảo vệ da.

Dạng thuốc và hàm lượng

Kẽm oxyd thường được dùng phối hợp với các hoạt chất khác trong các chế phẩm gồm nhiều thành phần, dưới các dạng:

Thuốc xịt: 10%.

Kem: 6%, 11,3%, 13%.

Thuốc mỡ: 3,8%; 9,38%; 10%; 16%, 20%; 40%.

Bột nhão: 16,5%; 20%; 40%; 12,8%.

Bột dùng ngoài: 9,1%.

Dược lực học

Kẽm oxyd có tính chất làm săn da và sát khuẩn nhẹ và được dùng bôi tại chỗ để bảo vệ, làm dịu tổn thương chàm (eczema) và các chỗ trợt da nhẹ. Kẽm oxyd thường được dùng với hắc ín than đá hoặc ichthammol để điều trị chàm. Kẽm oxyd phản xạ tia cực tím nên còn được dùng trong các thuốc bôi chống nắng.

Trong phần lớn các chế phẩm chứa kẽm oxyd còn có những chất khác như titan oxyd, bismuth oxyd, glycerol, bôm (nhựa thơm) Peru, ichthammol... đặc biệt các chất mỡ có tính chất bít kín nên có thể dễ gây bội nhiễm. Một vài chất còn có thể gây dị ứng. Kẽm oxyd cũng còn là nguyên liệu để làm một số loại xi măng nha khoa. Khi trộn với acid phosphoric, kẽm oxyd tạo thành một vật liệu cứng mà thành phần chủ yếu là kẽm phosphat; vật liệu này trộn với dầu Đinh hương hoặc eugenol dùng để hàn răng tạm thời.

Chỉ định

Dưới những dạng thuốc mỡ và hồ bôi được dùng, kẽm oxyd được dùng rộng rãi trong điều trị da khô, các bệnh da và nhiễm khuẩn da như:

Vùng da bị kích ứng do lở dò tiêu hóa, hậu môn nhân tạo, mở thông bàng quang.

Điều trị hỗ trợ chàm (eczema).

Vết bỏng nông, không rộng.

Cháy nắng, hồng ban do bị chiếu nắng, bảo vệ da do nắng.

Trứng cá, côn trùng châm đốt, ban do tã lót, vảy da đầu, tăng tiết nhờn, chốc, nấm da, vảy nến, loét giãn tĩnh mạch, ngứa.

Chống chỉ định

Quá mẫn với thuốc.

Tổn thương da bị nhiễm khuẩn.

Thận trọng

Trước khi bôi thuốc và trong quá trình điều trị phải đảm bảo vô khuẩn vùng được bôi thuốc vì có thể bội nhiễm ở các vùng bị thuốc che phủ.

Một số chế phẩm không thích hợp với các tổn thương có tiết dịch.

Tác dụng không mong muốn (ADR)

Hiếm gặp và rất hiếm gặp

Các tá dược, bôm (nhựa thơm) Peru, lanolin có thể gây chàm tiếp xúc.

Dị ứng với một trong các thành phần của chế phẩm.

Hướng dẫn cách xử trí ADR

Ngừng dùng chế phẩm.

Liều lượng và cách dùng

Tổn thương trên da: Sau khi khử khuẩn, bôi đều một lớp thuốc mỏng lên vùng da bị tổn thương, 1 - 2 lần một ngày. Có thể dùng một miếng gạc vô khuẩn che lên.

Chàm, nhất là chàm bị lichen hóa: Bôi một lớp dày chế phẩm (hồ nước) có chứa ichthammol, kẽm oxyd, glycerol lên vùng tổn thương, 2 - 3 lần một ngày.

Đau giữa hậu môn, nhất là trong những đợt trĩ: Bôi thuốc mỡ hoặc đặt đạn trực tràng có kẽm oxyd, bismuth oxyd, resorcin, sulphon, caraghenat vào hậu môn, ngày 2 - 3 lần, sau mỗi lần đi ngoài. Không nên dùng dài ngày. Nếu sau 7 - 10 ngày dùng không thấy đỡ thì phải thăm khám hậu môn trực tràng để tìm nguyên nhân gây chảy máu và cuối cùng phát hiện bệnh ác tính.

Tổn thương do suy tĩnh mạch mạn tính, băng sau phẫu thuật giãn tĩnh mạch: Bôi phủ vết thương bằng chế phẩm có 20% kẽm oxyd trong vaselin.

Cập nhật lần cuối: 2017.

KẼM SULFAT

Tên chung quốc tế: Zinc sulfate.

Mã ATC: A12CB01, B05XA18.

Loại thuốc: Nguyên tố vi lượng, chất điện giải.

Dạng thuốc và hàm lượng

Dung dịch tiêm: 10 mg/10 ml; 25 mg/5 ml; 30 mg/10 ml.

Viên sủi: 45 mg.

Dược lực học

Kẽm là nguyên tố vi lượng thiết yếu, có mặt trong nhiều hệ enzym bao gồm DNA polymerase, RNA polymerase, alcohol dehydrogenase và alkaline phosphatase. Kẽm là chất điều phối quá trình gấp trong cấu trúc protein, như gấp kiểu "ngón tay kẽm" tương tác với nhiều loại protein, lipid và acid nucleic. Ngoài ra, kẽm là chất xúc tác của các phản ứng sinh hóa thiết yếu, bao gồm hoạt hóa cơ chất của anhydrase carbonic trong hồng cầu. Kẽm cũng là một chất trung gian tín hiệu điều chỉnh nhiều con đường đa tín hiệu.

Dược động học

Hấp thu: Kẽm hấp thu qua đường tiêu hóa.

Phân bố: Trên 85% lượng kẽm trong cơ thể được tìm thấy trong tóc, mắt, cơ quan sinh sản nam và xương. Các cơ quan khác có chứa kẽm là cơ, gan, thận, da, não và tim. Trong máu, kẽm tồn tại trong hồng cầu. 80% lượng kẽm trong huyết thanh liên kết với albumin, lượng còn lại liên kết với alpha 2-macroglobulin và các amino acid. Nồng độ kẽm trong huyết thanh trong khoảng 70 - 110 microgam/dl.

Thải trừ: Ở người lớn, kẽm chủ yếu bài tiết qua đường tiêu hóa và thải trừ qua phân. Một lượng nhỏ kẽm bài tiết qua thận và thải trừ qua nước tiểu. Tỷ lệ bài tiết kẽm qua nước tiểu ở trẻ sinh thiếu tháng nhẹ cân tương đối cao trong giai đoạn sơ sinh và giảm xuống đến mức theo trọng lượng cơ thể tương đương với người lớn bình thường khi được 2 tháng tuổi. Ngoài ra, mất kẽm nội sinh xảy ra từ tóc, bong vảy da và mồ hôi.

Chỉ định

Thiếu kẽm ở người lớn và trẻ em.

Nuôi dưỡng tĩnh mạch khi bệnh nhân không thể hoặc không cung